

CÔNG TY CP QUỐC TẾ LOTUS GROUP
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CP QUỐC TẾ LOTUS GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: Lotus Group International Joint Stock Company

Tên công ty viết tắt: Công ty Lotus Group

2. Mã số doanh nghiệp: 2400937827

3. Ngày thành lập: 28/04/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 28, Ngõ 2, Yết Kiêu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0971211222

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
7.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
14.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
15.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
16.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
17.	Trồng lúa	0111
18.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
19.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
20.	Trồng cây mía	0114
21.	Trồng cây thuốc lá, thuốc lào	0115
22.	Trồng cây lấy sợi	0116

23.	Trồng cây có hạt chứa dầu	0117
24.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
25.	Trồng cây hàng năm khác	0119
26.	Trồng cây ăn quả	0121
27.	Trồng cây lấy quả chứa dầu	0122
28.	Trồng cây điều	0123
29.	Trồng cây hồ tiêu	0124
30.	Trồng cây cao su	0125
31.	Trồng cây cà phê	0126
32.	Trồng cây chè	0127
33.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
34.	Trồng cây lâu năm khác	0129
35.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
36.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm	0132
37.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
38.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
39.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
40.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
41.	Chăn nuôi gia cầm	0146
42.	Chăn nuôi khác	0149
43.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
44.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
45.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
46.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
47.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
48.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
49.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
50.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
51.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
52.	Khai thác thủy sản biển	0311
53.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
54.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
55.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
56.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
57.	Đào tạo trung cấp	8532
58.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
59.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560

60.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
61.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Không đấu giá bất động sản, không đấu giá quyền sử dụng đất)	6820
62.	Bán buôn tổng hợp	4690
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
67.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
68.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
69.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
70.	Sản xuất sợi	1311
71.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
72.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
73.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
74.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
75.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
76.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
77.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
78.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
79.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
80.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
81.	Cửa, xé, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
82.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
83.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
84.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
85.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
86.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
87.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
88.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
89.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
90.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784

91.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
92.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
93.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
94.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
95.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
96.	Cơ sở lưu trú khác	5590
97.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
98.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
99.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
100.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
101.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
102.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
103.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
104.	Đại lý du lịch	7911
105.	Điều hành tua du lịch	7912(Chính)
106.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
107.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
108.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
109.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
110.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
111.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
112.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
113.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
114.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
115.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
116.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
117.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
118.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

119.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
------	--	------

6. Vốn điều lệ: 5.500.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐOÀN VĂN THẮNG	Số nhà 28, Ngõ 2, Yết Kiêu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	440.000	4.400.000.000	80,000	0240780151 01	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	440.000	4.400.000.000	80,000		
2	NGUYỄN THÀNH LONG	Tur Một, Xã Quý Sơn, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	10,000	B9701475	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	55.000	550.000.000	10,000		

3	PHẠM XUÂN TRƯỜNG	Thủ Dương, Xã Nam Dương, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	55.000	550.000.000	10,000	122108541
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	55.000	550.000.000	10,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: **ĐOÀN VĂN THẮNG** Giới tính: *Nam*
 Chức danh: *Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc*
 Sinh ngày: *22/11/1978* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *024078015101*
 Ngày cấp: *09/05/2021* Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*
 Địa chỉ thường trú: *TDP Minh Khai, Thị Trấn Chũ, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 28, Ngõ 2, Yết Kiêu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Bắc Giang, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang